

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày 16/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Phạm Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Phi Hùng**

Bà **Hồ Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Chúc Ni**, là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Đạt** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn M**, Sinh năm 1990. Nơi sinh: huyện B, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: ấp S, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: làm thuê. Trình độ học vấn: lớp 9/12. Con ông Trần Văn Q, con bà: Danh Thị H, sinh năm 1971. Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo anh lớn, nhỏ nhất sinh năm 1994. Vợ: Trần Thị L, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án: không. Tiền sự: không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/3/2020 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt.

Bị hại: Ông Thạch Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 18/3/2020, Trần Văn M đến nhà anh Thạch Văn A trú tại ấp S, xã P, huyện B, nhậu cùng với anh A, anh Thạch Văn B, anh Cao Văn C, anh Lý M. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, cả nhóm đến nhà anh C để nhậu tiếp

thì anh M do đã say rượu nên chạy xe đậu ở gần nhà ông Thạch Văn T trú cùng ấp rồi đi về nhà ngủ trước. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, M chạy xe máy biển số 68K1-123.48 chở anh B để tìm anh M rủ nhậu tiếp. Khi đi đến nhà của ông T thì thấy xe của M đậu ở gần đó nên M đậu xe lại tìm M nhưng không tìm thấy. Lúc này, anh B đi đến bộ ván bên hiên nhà ông T nằm nghỉ còn M vào nhà chơi. Lúc này, trong nhà có ông T, bà Lý Thị V (vợ ông T) đang xem ti vi và con gái tên Thạch Kiều T2 đang ngủ trong phòng. Ông T hỏi thăm M đi đâu thì M nói đi tìm M rồi ông T đi ra vuông tôm sau nhà tắt máy bơm nước. Lúc này, bà V nằm trên bộ ván xem ti vi, M đến cũng ngồi cạnh trên bộ ván. Thấy điện thoại di động hiệu OPPO đang sạc để trên rổ nhựa nằm trên bàn cạnh bộ ván cách vị trí M ngồi 0.9 mét, M liền rút dây sạc điện thoại ra và cắm sạc vào máy điện thoại di động của mình và để lại trên rổ nhựa. Nói chuyện với bà V được khoảng 15 phút, M rút điện thoại di động của mình ra khỏi dây sạc và nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại OPPO nên lấy điện thoại di động của mình ép sát vào điện thoại di động hiệu OPPO và để cả hai điện thoại trong lòng bàn tay trái, giấu không cho bà V thấy rồi đi ra ngoài. Bà V phát hiện sự việc, tri hô thì ông T đến yêu cầu M trả điện thoại nhưng M lên xe một mình chạy đi cách nhà ông T 600 mét, M cất giấu điện thoại trộm được dưới tấm tol gần lộ rồi chạy đến nhà anh C. Ông T đến nhà anh C và yêu cầu M về nhà giải quyết việc mất trộm điện thoại, M cùng về nhưng không thừa nhận việc lấy trộm mà còn tự lấy điện thoại của mình đập bể.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày hôm sau 19/3/2020, bị can M, B, C, M cùng đến nhà ông T để nói chuyện về việc mất trộm điện thoại. Ông T yêu cầu M trả điện thoại nhưng M không thừa nhận mà còn cự cãi, ông T mới nói “để tao điện ông này lại, mày có ngon thì đánh”. Ông T điện thoại cho ông Trần Thanh T1 là Công an viên ấp S báo tin về việc bị mất trộm điện thoại. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì ông T1 đến và kêu ông T đến nhà ông C (Bí thư ấp S) để trao đổi công việc. Khi ông T1 đến gặp riêng ông T như vậy M nghĩ đây là bà con của ông T được ông T gọi đến đánh M nên khi ông T1 quay ra thì bị M cầm ghế gỗ ném trúng một cái vào mũ bảo hiểm mà ông T1 đang đội và dùng chân đạp vào bụng ông T1. Đến 18 giờ 25 phút cùng ngày 19/3/2020, M thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: một điện thoại di động OPPO và thẻ sim có giá trị là 3.510.000 đồng.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu về phân trách nhiệm dân sự nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: đã trả lại cho ông T, M, ông T1 gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng – hồng, số kiểu CPH 1605, bên trong có sim điện thoại thuê bao số “0377.955.733”; 01 (một) cái ghế gỗ, 04 chân (loại ghế đầu); 01 (một) đôi dép bằng nhựa, quai ngang, màu xanh, trên dép có dòng chữ “adidas”; 01 (một) bộ quần áo, trên áo có dòng chữ “CAX, Công an viên”; 01 (một) cái mũ bảo hiểm, bên trên có dòng chữ “CAX” nên đề nghị không xem xét.

Đối với hành vi M đánh ông T1 làm ông T1 bị đau nhẹ, không có thương tích, ông T1 không có yêu cầu giám định và không yêu cầu xử lý đối với M. Xét thấy M là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, do hiểu nhầm ông T1 đến giúp ông T nên M mới đánh ông T1, M không có ý thức chống người thi hành công vụ. Nên công an huyện B quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M tại quyết định số 81/QĐ-XPHC ngày 13.5.2020 với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Văn M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 18/3/2020, Trần Văn M đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản và đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Thạch Văn T một điện thoại di động hiệu OPPO bên trong có thẻ sim nhằm mục đích sử dụng, bán

lấy tiền tiêu xài cho cá nhân. Tài sản được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận về giá thực tế là 3.510.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng để nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cho cá nhân nhưng không phải bỏ ra bằng công sức lao động chân chính; bị cáo lợi dụng vào sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu và đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Thạch Văn T một điện thoại di động hiệu OPPO bên trong có thẻ sim. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm. Lỗi khi thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là lỗi cố ý. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ý định phạm tội của bị cáo nảy sinh một cách tức thời, không có sự tính toán, chuẩn bị từ trước nên cần áp dụng một mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, tài sản có giá trị không lớn, đã trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Đối với hành vi đánh ông T1, do ông T1 không có yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự đối với M, Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Xét thấy, các vật chứng liên quan đến vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện B giao trả lại cho ông T, bị cáo M và ông T1 là phù hợp, chủ sở hữu tài sản không có yêu cầu nên không xem xét.

[8] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở tuy nhiên do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế khó khăn, có nhận thức pháp luật hạn chế, là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nơ cư trú rõ ràng, không có tiền án tiền sự nên cần cho bị cáo hưởng một mức hình phạt nhẹ hơn, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động, khắc phục, sửa chữa sai lầm của bản thân, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[9] Đối với nghĩa vụ tài chính khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành án theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo hiện nay không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bấp bênh và phải nuôi con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên không cần thiết khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173, b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn M 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn M cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Phạm Lan Chi